

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/DSST
Ngày: 10-11-2021
*V/v Tranh chấp hợp đồng dân
sự về góp hụi*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Chấm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Nguyễn Thị Hồng Nhung;**

Bà **Trang Thị Cẩm Nhuận.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Sơn Thị Hoa Lan-** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hùng Cường,** Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2021, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 2968/2021/TLST-DS, ngày 18 tháng 3 năm 2021; về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2021/QĐXXST-DS, ngày 25-6-2021; Thông báo dời lịch xét xử vụ án dân sự ngày 20-7-2021; Thông báo về việc mở lại phiên tòa xét xử vụ án dân sự ngày 29-10-2021; giữa:

Nguyên đơn: Anh **Bùi Minh Th,** sinh năm 1983; Địa chỉ: Ấp Chợ, xã Tân Hùng, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

Bị đơn: Chị **Võ Thị S,** sinh năm 1968; Địa chỉ: Ấp Xóm Vó, xã Phú Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại các đơn khởi kiện cùng ngày 12/3/2021, các đơn khởi kiện bổ sung cùng ngày 06/7/2021 trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn anh Bùi Minh Th trình bày:

Anh có tổ chức khui 02 dây hụi, chị Võ Thị S có tham gia 02 phần, cụ thể

như sau:

Dây hội thứ 1: Ngày 19/4/2018 ÂL, loại hội 10.000.000 đồng, chỉ thỏa thuận bằng lời nói không có làm văn bản, anh có giao danh sách hội viên cho các hội viên tham gia góp hội theo dõi, có 21 phần; 02 tháng khui 01 lần; Huê hồng đầu thảo hưởng 5.000.000 đồng/lần hốt (khui và gom hội giao trong vòng 10 ngày, bắt đầu ngày 19 khui đến ngày 29 gom và giao tiền cho hội viên hốt hội), chị S tham gia 01 phần; Ở lần khui hội thứ 01, chị S bỏ thăm 2.200.000 đồng là người trúng thăm hốt hội, sau khi trừ huê hồng số tiền chị S được nhận bằng 151.000.000 đồng, anh giao đủ tiền hốt hội cho chị S, chị S có ký tên vào biên nhận giao tiền do anh giữ, sau khi hốt hội chị S đóng hội chết đến lần khui thứ 14.

Ở lần khui hội thứ 15 chị Th là người bỏ thăm hốt hội, chị S không có đóng hội chết nên anh choàng hội cho chị S để giao tiền hội cho chị Th, để chứng minh việc chị S không đóng hội chết ở lần khui hội thứ 15 anh có yêu cầu Tòa án xác minh chị Th để biết được chị S không có đóng hội cho anh.

Ở lần khui hội thứ 16 chị V là người bỏ thăm hốt hội, chị S không có đóng hội chết nên anh choàng hội cho chị S để giao tiền hội cho chị V, để chứng minh việc chị S không đóng hội chết ở lần khui hội thứ 16 anh có yêu cầu Tòa án xác minh chị V để biết được chị S không có đóng hội cho anh.

Từ lần thứ 17 đến lần khui hội thứ 20 chị S không đóng hội chết, anh choàng hội cho chị S, dây hội còn 01 lần nữa mới mãn. Tổng cộng anh choàng hội cho chị S từ lần khui thứ 15,16,17,18,19,20 bằng 60.000.000 đồng.

Dây hội thứ 2: Ngày 19/4/2018 ÂL, loại hội 10.000.000 đồng, chỉ thỏa thuận bằng lời nói không có làm văn bản, anh có giao danh sách hội viên cho các thành viên tham gia góp hội theo dõi; có 16 phần; 03 tháng khui 01 lần; Huê hồng đầu thảo hưởng 5.000.000 đồng/lần hốt (khui và gom hội giao trong vòng 10 ngày, bắt đầu ngày 19 khui thì đến ngày 29 gom và giao tiền hốt hội cho hội viên), chị S tham gia 01 phần. Từ lần khui hội thứ 01 đến lần khui hội thứ 05 chị S đóng hội sống đầy đủ. Ở lần khui hội thứ 06, chị S bỏ thăm 3.200.000 đồng là người trúng thăm hốt hội, sau khi trừ huê hồng số tiền chị S được nhận bằng 113.000.000 đồng, anh giao đủ tiền hốt hội cho chị S, chị S có ký tên vào biên nhận giao tiền do anh giữ.

Sau khi hốt hội chị S đóng hội chết từ lần khui thứ 07 đến lần khui hội thứ 10.

Ở lần khui hội thứ 11, chị Võ Thị M bỏ thăm hốt hội, chị S không đóng hội chết, anh choàng hội cho chị S giao cho chị M, để chứng minh việc chị S không đóng hội chết ở lần khui hội thứ 11 anh có yêu cầu Tòa án xác minh chị M để biết được chị S không có đóng hội cho anh.

Ở lần khui hội thứ 12, 13 chị S không đóng hội chết, anh choàng hội thêm cho chị S 02 lần, dây hội còn 03 lần nữa mãn hội. Tổng cộng anh choàng cho chị S từ lần khui thứ 11, 12, 13 bằng 30.000.000 đồng.

Nay anh yêu cầu chị Võ Thị S trả tiền hụi mà anh đã choàng tổng cộng bằng 90.000.000 đồng (Loại hụi 10.000.000 đồng, mở ngày 19/4/2018 ÂL; 02 tháng khui 01 lần là 06 lần; Loại hụi 10.000.000 đồng, mở ngày 19/4/2018 ÂL; 03 tháng khui 01 lần là 03 lần, không yêu cầu tính lãi. Lúc trước chị S cũng có kêu anh gom tiền của mẹ và em gái anh để trừ tiền hụi của chị S anh có nói của ai thì tính với người đó, anh không đồng ý cản trừ như vậy, rồi chị S không đóng hụi chết cho anh đến nay.

Tại các bản tự khai, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị Võ Thị S trình bày:

Chị có tham gia góp hụi do anh Bùi Minh Th làm chủ hụi, cụ thể:

Dây hụi thứ 01: Ngày 19/4/2018 ÂL, loại hụi 10.000.000 đồng, chỉ thỏa thuận bằng lời nói, anh Th có giao danh sách hụi viên cho chị, chị tham gia 01 phần, có 21 phần, huê hồng đầu thảo hưởng 5.000.000 đồng/lần hốt (khui và gom hụi giao trong vòng 10 ngày, bắt đầu ngày 19 khui thì ngày 29 gom và giao tiền hụi cho hụi viên). Ở lần thứ nhất chị có bỏ thăm hốt hụi và Th giao đủ tiền hốt hụi cho chị nhận và chị có ký tên nhận tiền hốt hụi vào biên nhận do anh Th lập và quản lý.

Sau khi hốt hụi chị đóng hụi chết đến lần khui thứ 16, chị thống nhất dây hụi đã khui đến lần thứ 20, anh Th chỉ choàng hụi cho chị từ lần khui thứ 17, 18, 19, 20, còn 01 lần nữa mới mãn hụi.

Anh Th cho rằng chị không đóng hụi chết ở lần khui thứ 15 (ngày khui hụi là ngày 19/7/2020 ÂL, ngày gom tiền là ngày 29/7/2020 ÂL) là không đúng, ở lần đóng hụi này chị không trực tiếp đóng cho anh Th, nhưng chị có nhờ anh Nguyễn Minh Th là người chạy xe ôm ký nhận 10.000.000 đồng ghi trong tờ giấy là ngày 29/7/2020 ÂL đem giao cho Th giữ chị.

Ở lần khui thứ 16, chị không biết ai là người bỏ thăm hốt hụi, nhưng chị là người đóng hụi chết cho anh Th bằng 20.000.000 đồng (đóng chung 01 phần hụi 03 tháng khui 01 lần).

Chị đồng ý trả cho anh Th bằng 40.000.000 đồng tiền hụi choàng từ lần khui thứ 17,18,19,20. Còn lần khui thứ 15,16 chị đóng rồi nên không đồng ý trả.

Dây hụi thứ 2: Ngày 19/4/2018 ÂL, loại hụi 10.000.000 đồng, chỉ thỏa thuận bằng lời nói, anh Th có giao danh sách hụi viên cho chị, chị tham gia 01 phần (khui và gom hụi giao trong vòng 10 ngày, bắt đầu ngày 19 khui thì đến ngày 29 gom và giao tiền cho hụi viên), có 16 phần, huê hồng đầu thảo hưởng 5.000.000 đồng/lần hốt, chị hốt hụi ở lần thứ 06 anh Th giao đủ tiền hốt hụi cho chị và chị có ký tên vào biên nhận do anh Th lập và quản lý, sau khi hốt hụi chị đóng hụi chết đến lần khui thứ 11.

Từ lần khui thứ 12, 13 chị không có đóng hụi chết, anh Th choàng cho chị 02 lần bằng 20.000.000 đồng, dây hụi này còn 03 lần nữa mãn hụi.

Anh Th cho rằng ở lần khui thứ 11 chị không đóng hụi chết là không đúng, ở lần khui hụi này chị không biết ai là người bỏ thăm hốt hụi, tiền hụi chị

là người trực tiếp đóng cho anh Th bằng 20.000.000 đồng (đóng chung lần thứ 16 của dây hụi 02 tháng 01 lần).

Anh Th tổ chức khui hụi, khi hụi viên đóng tiền hụi sống, hụi chết đều không có làm giấy tờ và cũng không có ký nhận vào sổ của anh Th lập, chỉ có hốt hụi mới ký nhận tiền vào sổ của anh Th quản lý, chị tham gia góp hụi của anh Th nếu đóng hụi trực tiếp thì không có làm giấy tờ gì, đóng xong là thôi, còn nếu chị nhờ ai đưa tiền hụi cho anh Th giùm thì chị mới ghi giấy tờ lại (giống như chị nhờ anh Th đưa). Nguyên nhân mà từ lần khui hụi thứ 17 trở về sau này chị không đóng hụi chết cho anh Th là do mẹ anh Th và em gái của anh Th còn thiếu tiền của chị nên chị có nói với anh Th cản trừ qua luôn khỏi qua nhà chị gom tiền hụi nữa, nếu mẹ và em anh Th trả một lần thì chị đưa qua hết cho anh Th luôn không phải đợi đến ngày khui hụi, nhưng hiện nay chị đã khởi kiện mẹ và em anh Th bằng vụ kiện khác tại Tòa án, nay chị đồng ý trả cho anh Th tiền hụi đã choàng ở 02 dây hụi trên bằng 60.000.000 đồng, còn lần khui hụi thứ 15, 16 của dây hụi 02 tháng khui 01 lần và lần khui hụi thứ 11 của dây hụi 03 tháng khui 01 lần chị không đồng ý trả.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Th có cung cấp cho Tòa án 02 danh sách hụi viên (photo); 02 biên nhận tiền hốt hụi (photo); chứng minh nhân dân; sổ hộ khẩu gia đình (bản photo); Bị đơn cung cấp 01 miếng giấy giao tiền hụi số tiền 10.000.000 đồng ngày 29/7/2020 ÂL (photo).

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Minh Th.

Buộc chị Võ Thị S có trách nhiệm trả cho anh Bùi Minh Th tiền hụi choàng của 02 dây hụi bằng 60.000.000 đồng, do anh Th không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

Về án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất:

Chị Võ Thị S thừa nhận có tham gia 02 phần hụi cụ thể;

Dây hụi thứ 1: Ngày 19/4/2018 ÂL, loại hụi 10.000.000 đồng, 02 tháng khui 01 lần đã khui đến lần thứ 20, còn 01 lần nữa mới mãn hụi.

Dây hụi thứ 2: Ngày 19/4/2018 ÂL, loại hụi 10.000.000 đồng, 03 tháng khui 01 lần đã khui đến lần thứ 13, còn 03 lần nữa mới mãn hụi.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất:

- Anh Bùi Minh Th yêu cầu chị Võ Thị S trả tiền hội choàng ở dây hội mở ngày 19/4/2018 ÂL, loại hội 10.000.000 đồng, 02 tháng khai 01 lần, từ lần khai thứ 15,16,17,18,19,20 bằng 60.000.000 đồng.

- Chị Võ Thị S đồng ý trả cho anh Th tiền hội choàng từ lần khai thứ 17,18,19,20 bằng 40.000.000 đồng. Còn lần khai thứ 15, 16 chị S không đồng ý trả.

- Anh Bùi Minh Th yêu cầu chị Võ Thị S trả tiền hội choàng ở dây hội mở ngày 19/4/2018 ÂL, loại hội 10.000.000 đồng; 03 tháng khai 01 lần, từ lần khai thứ 11, 12, 13 bằng 30.000.000 đồng.

Chị Võ Thị S đồng ý trả cho anh Th tiền hội choàng từ lần khai thứ 12, 13 bằng 20.000.000 đồng. Còn lần khai thứ 11 chị S không đồng ý trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hội”. Bị đơn cư trú tại huyện Tiểu Cần theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

Ngày 12-7-2021 Tòa án ra quyết định nhập 02 vụ án thụ lý số: 9267 và 2968 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hội” thành 01 vụ án thụ lý số: 2968/2021/TLST-DS, ngày 18-3-2021.

[2] *Về yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Minh Th*:

Trong quá trình giải quyết anh Th, chị S có lời khai thống nhất chị S có tham gia góp hội do anh Th làm chủ hội cụ thể; ngày 19/4/2018 ÂL, loại hội 10.000.000 đồng, 02 tháng khai 01 lần, chị S hót hội ở lần khai thứ 01, dây hội đã khai đến lần thứ 20, còn 01 lần nữa mãn hội và ngày 19/4/2018 ÂL, loại hội 10.000.000 đồng, 03 tháng khai 01 lần, chị S hót hội ở lần khai thứ 06, dây hội đã khai đến lần thứ 13, còn lại 03 lần nữa mãn hội, đây là những tình tiết các đương sự không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh Th khởi kiện yêu cầu chị S có nghĩa vụ trả cho anh tiền hội đã choàng cụ thể, ở dây hội mở ngày 19/4/2018 ÂL, 02 tháng khai 01 lần từ lần khai thứ 15,16,17,18,19,20 bằng 60.000.000 đồng, dây hội mở ngày 19/4/2018 ÂL, 03 tháng khai 01 lần từ lần khai thứ 11,12,13 bằng 30.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Chị S đồng ý trả cho anh Th tiền hội choàng ở dây hội 02 tháng khai 01 lần từ lần khai thứ 17,18,19,20 bằng 40.000.000 đồng, dây hội 03 tháng khai 01 lần là 02 lần từ lần khai thứ 12,13 bằng 20.000.000 đồng, còn lại chị không đồng ý trả.

[3] Xét thấy, đối với dây hội mở ngày 19/4/2018 ÂL, 02 tháng khai 01 lần, anh Th yêu cầu chị S trả tiền hội đã choàng ở lần khai thứ 15 và thứ 16 bằng

20.000.000 đồng. Do chị S không đóng hội chết nên anh Th phải xuất tiền ra choàng hội cho chị Th ở lần thứ 15, chị V ở lần thứ 16 và anh có yêu cầu Tòa án xác minh chị Th, chị V để biết rõ chị S không có đóng hội chết cho anh. Qua xác minh chị V, chị Th khai, hai chị cũng là hội viên tham gia dây hội 02 tháng khui 01 lần do anh Th làm chủ hội cùng với chị S, mọi người không ai biết mặt nhau, chỉ thấy tên trong danh sách hội viên, khi hai chị hốt hội anh Th giao đủ tiền hốt hội cho hai chị, không có giao thiếu phần của chị S, lúc giao tiền hội hai chị có nghe anh Th nói chị S không có đóng hội chết, anh Th phải choàng hội cho chị S để giao tiền hội cho hai chị. Chị V, chị Th không có nghe trực tiếp từ chị S nói.

[4] Đối với dây hội mở ngày 19/4/2018 ÂL, 03 tháng khui 01 lần, anh Th yêu cầu chị S trả tiền hội đã choàng ở lần khui thứ 11 bằng 10.000.000 đồng. Do chị S không đóng hội chết nên anh Th phải xuất tiền ra choàng hội giao cho chị M và anh có yêu cầu Tòa án xác minh chị M để biết rõ chị S không có đóng hội chết cho anh. Qua xác minh chị M khai, chị là hội viên tham gia dây hội 03 tháng khui 01 lần do anh Th làm chủ hội cùng với chị S, chị M cũng biết chị S, lúc chị M hốt hội anh Th giao đủ tiền hốt hội cho chị, không có giao thiếu phần của chị S, khi giao tiền hốt hội anh Th có nói choàng hội cho chị S để giao hội cho chị hay không thì chị không nhớ. Chị M không có nghe trực tiếp từ chị S nói.

[5] Quá trình giải quyết, chị S có cung cấp cho Tòa án tờ giấy thể hiện ngày 29/7/2020 ÂL là lần đóng hội thứ 15 của dây hội 02 tháng khui 01 lần, số tiền này chị nhờ anh Nguyễn Minh Th là người chạy xe ôm ký nhận 10.000.000 đồng đem đóng cho Th giùm chị, còn ở lần khui thứ 16 và lần khui thứ 11 của dây hội mở ngày 19/4/2018 ÂL; 03 tháng khui 01 lần chị tự đóng cho anh Th bằng 20.000.000 đồng. Qua xác minh ông Nguyễn Minh Th khai, anh có ký nhận vào miếng giấy ngày 29/7/2020 ÂL và nhận của chị S 10.000.000 đồng đem đưa cho anh Th giùm cho chị S, tiền anh giao trực tiếp cho anh Th nhận.

Anh Th thừa nhận có nhận của anh Nguyễn Minh Th số tiền 10.000.000 đồng ghi ngày 29/7/2020 ÂL của chị S đóng hội cho anh, ngày ghi trong tờ giấy anh Th đưa đúng là ngày đóng hội ở lần thứ 15, nhưng anh Th cho rằng ở lần khui hội thứ 14 chị S không đóng hội chết, nên số tiền anh nhận ở lần khui thứ 15 anh tự trừ cho lần khui hội thứ 14 chị S còn nợ anh, anh không có nói cho chị S hay anh Th biết, chị S không thừa nhận có nợ anh Th ở lần khui hội thứ 14. Xét thấy, quá trình tham gia góp hội giữa anh Th, chị S và các hội viên như chị M, chị V, chị Th đều thừa nhận, những lần gom tiền hội sống, hội chết anh Th không có làm biên nhận và cũng không có ký tên vào sổ của anh Th, chỉ có hội viên hốt hội và nhận tiền hội thì anh Th mới làm biên nhận cho hội viên ký tên vào sổ của anh Th quản lý. Ngày 29/6/2021 Tòa án có ban hành quyết định yêu cầu anh Th cung cấp chứng cứ để chứng minh chị S có nợ anh ở lần khui hội thứ 14 như anh trình bày tại Tòa án, ngoài lời khai anh Th không có chứng cứ nào khác để chứng minh chị S có nợ anh lần khui hội thứ 14 và anh choàng hội cho chị S ở lần khui hội thứ 15, 16 của dây hội mở ngày 19/4/2018 ÂL, 02 tháng khui 01 lần và lần khui hội thứ 11 của dây hội mở ngày 19/4/2018 ÂL, 03 tháng

khui 01 lần nên không có căn cứ chấp nhận. Vì vậy anh Th phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được.

Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Minh Th. Do anh Th không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Buộc bị đơn chị Võ Thị S phải chịu theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn anh Bùi Minh Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Xét thấy, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26 khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 92, 147, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hui biểu phưong;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Minh Th.

2. Buộc chị Võ Thị S trả cho anh Bùi Minh Th tiền hui choàng tổng cộng bằng 60.000.000 đồng (Loại hui 10.000.000 đồng, mở ngày 19/4/2018 ÂL, 02 tháng khai 01 lần từ lần thứ 17,18,19,20; Loại hui mở ngày 19/4/2018 ÂL, 03 tháng khai 01 lần từ lần thứ 12,13). Anh Bùi Minh Th không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. **Về án phí:** Buộc bị đơn chị Võ Thị S phải chịu 3.000.000 đồng án phí dân sự.

Anh Bùi Minh Th phải chịu 1.500.000 đồng án phí dân sự, nhưng được trừ số tiền tạm ứng đã nộp 500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002124, ngày 18-3-2021; số tiền 1.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002050, ngày 18-3-2021; số tiền tạm ứng đã nộp 500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002625, ngày 06-7-2021; số tiền tạm ứng đã nộp 250.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002626, ngày 06-7-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh

Trà Vinh, anh Bùi Minh Th được nhận lại 750.000 đồng tiền còn dư theo biên lai thu tiền trên.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Mỹ Chấm

